HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
KHOA SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TÓM TẮT
VỀ NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NCS: Nguyễn Thị Thanh Hiền Mã NCS: NCSD32306

Ngành: Tài chính - Ngân hàng Mã ngành: 9.34.02.01

Tên đề tài: *Huy động vốn đảm bảo tăng trưởng bền vững của các doanh nghiệp ngành nhựa niêm yết ở Việt Nam*

Người HDKH:

1- PGS,TS. Bùi Văn Vần

2- TS. Nguyễn Thị Tuyết

Bộ môn sinh hoạt chuyên môn: Tài chính doanh nghiệp

Những đóng góp mới của Luận án:

Về lý luận, học thuật:

Thứ nhất: Luận án đã hệ thống hóa, bổ sung và làm rõ hơn lý luận về huy động vốn đảm bảo tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp. Luận án đã xây dựng khung phân tích huy động vốn đảm bảo tăng trưởng bền vững về tài chính của doanh nghiệp (DN), trong đó huy động vốn được xem xét như quá trình đáp ứng nhu cầu vốn cho tăng trưởng trong các ràng buộc về kỳ hạn, chi phí và rủi ro tài chính; kết quả được đánh giá qua tỷ lệ tăng trưởng bền vững (SGR) theo mô hình Higgins, đối chiếu với tốc độ tăng trưởng thực tế (AGR). Luận án làm rõ cơ chế tác động của từng kênh huy động vốn tới các thành tố của SGR và xác định chênh lệch AGR - SGR là tín hiệu về áp lực tài trợ, không đồng nhất với số vốn thiếu hụt.

Thứ hai: Luận án đã xem xét kinh nghiệm huy động vốn đảm bảo tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp ngành nhựa ở một số quốc gia trên thế giới; từ đó rút ra bốn bài học có thể tham khảo, vận dụng vào Việt Nam; đó là: (1)-Kiểm soát đòn bẩy tài chính theo chu kỳ kinh doanh; (2)- Lấy lợi nhuận giữ lại làm nguồn tài trợ chủ yếu cho tăng trưởng; (3)-Huy động nợ dài hạn gắn với mục đích sử dụng vốn và kỳ hạn hoàn trả nợ; (4)- Tổ chức nguồn tài trợ vốn lưu động phù hợp với chu kỳ biến động giá nguyên liệu.

Thứ ba: Luận án xem xét đồng thời các kênh huy động vốn và chi phí sử dụng vốn trong quan hệ với cả SGR và AGR trên mẫu 28 DN ngành nhựa niêm yết giai đoạn 2019 - 2025 (196 quan sát), sử dụng phương pháp ước lượng phù hợp với khuyết tật của từng

mô hình (FGLS; mô hình tác động cố định với sai số chuẩn Driscoll - Kraay) và kiểm định tính vững (nội sinh, giá trị cực trị). Kết quả cho thấy cùng một kênh có thể có quan hệ khác chiều với hai thước đo: tỷ trọng nợ ngắn hạn thuận chiều với SGR nhưng ngược chiều với AGR; phát hành cổ phần mới thuận chiều với cả hai; vay nợ mới chỉ thuận chiều với AGR; tín dụng thương mại và tốc độ tăng dư nợ ngân hàng ngược chiều với SGR; còn mức đòn bẩy tổng thể không có ý nghĩa thống kê. Bằng chứng này bổ sung cho các nghiên cứu trước vốn chủ yếu sử dụng một thước đo tăng trưởng.

Về thực tiễn:

Thứ nhất, luận án cung cấp bức tranh định lượng về quy mô, cơ cấu, phương thức, chi phí huy động vốn và năng lực tăng trưởng bền vững của các DN ngành nhựa niêm yết: AGR bình quân (8,28%) gấp đôi SGR (4,11%); nợ ngắn hạn chiếm 64% - 72% tổng nợ; biên lợi nhuận gộp khoảng 13,4%; mới có 5/28 DN dùng trái phiếu và 8/28 DN dùng thuê tài chính; đồng thời chỉ ra sự phân hóa ngày càng sâu giữa ba nhóm DN theo SGR, với khoảng cách tổng nguồn vốn bình quân giữa nhóm cao nhất và nhóm SGR âm tăng từ 4,56 lần lên 8,37 lần.

Thứ hai, luận án đề xuất bốn nhóm giải pháp: huy động vốn mới; điều chỉnh cơ cấu và kỳ hạn tài trợ; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; và giải pháp bổ trợ. Mỗi giải pháp gắn với hạn chế cụ thể, có ngưỡng định lượng đến năm 2030 (tỷ trọng nợ ngắn hạn dưới 60%, tốc độ tăng dư nợ ngân hàng không vượt 1,5 lần tốc độ tăng doanh thu, vòng quay tổng tài sản khoảng 1,55 lần, tỷ lệ giá vốn hàng bán khoảng 84%), được phân hóa lộ trình theo nhóm DN, kèm kiến nghị đối với Nhà nước, tổ chức tài chính và Hiệp hội Nhựa Việt Nam; có giá trị tham khảo cho nhà quản trị DN, nhà đầu tư, tổ chức tín dụng và cơ quan quản lý.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI HDKH		**NGHIÊN CỨU SINH**
Thứ nhất	**Thứ hai**	
PGS,TS. Bùi Văn Vần	**TS. Nguyễn Thị Tuyết**	**Nguyễn Thị Thanh Hiền**